

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/DS-ST

Ngày: 13/5/2022

*V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Trường Lâm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Danh Hưởng**

Bà **Võ Tuyết Kha**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại cổ phần X**

Trụ sở chính: XXX PHT, VTV, RG, Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Ngọc M** – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê TR V** – Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền lại:

Ông **Tô Ngã Vang C** – Là nhân viên xử lý nợ (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: số xxx T, khóm Y, phường Z, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

Ông **Võ Tấn Đ** – Chức vụ: Phó Giám đốc phòng giao dịch PL, Bạc Liêu.

Địa chỉ: ấp N, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đồng bị đơn:* Ông **Trần Hữu H**, sinh năm 1978

Ông **Trần Hữu L**, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: ấp A, xã V, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

Ông Đ, ông C có đơn xin vắng mặt; ông H, ông L vắng mặt lần hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/5/2020 và các lời khai tiếp theo trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần X (sau đây viết tắt là Ngân hàng) trình bày:

Vào ngày 10/9/2012, Ngân hàng ký với ông Trần Hữu H và ông Trần Hữu L hợp đồng tín dụng số HD5439/HĐTD; Ngân hàng đồng ý cho vay số tiền gốc 120.000.000đ, thời hạn vay 13 tháng, phương thức cho vay: gốc và lãi trả cuối kỳ; mục đích sử dụng tiền vay: sản xuất nông nghiệp. Lãi suất cho vay 1,65%/tháng; lãi quá hạn bằng 150% lãi cho vay. Để đảm bảo khoản vay, ông H, ông L đã thế chấp diện tích đất 406,3m² tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39 theo hợp đồng thế chấp số HD5439/HĐTC ngày 10/9/2012. Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay vào ngày 10/9/2012. Đến kỳ hạn trả nợ nhưng ông H, ông L không trả gốc và lãi cho Ngân hàng; do đó khoản vay đã chuyển qua nợ quá hạn. Tính đến ngày 13/5/2022, ông H, ông L còn nợ Ngân hàng số tiền 486.938.187đ, trong đó số tiền gốc 120.000.000đ, tiền lãi trong hạn 23.104.040đ; lãi quá hạn 271.356.774đ, tiền phạt chậm trả lãi 72.477.373đ.

Ngày 13/5/2022, đại diện Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt chậm trả lãi là 72.477.373đ; Ngân hàng yêu cầu ông H, ông L trả số tiền 414.460.814đ, trong đó số tiền gốc 120.000.000đ, tiền lãi trong hạn 23.104.040đ; lãi quá hạn 271.356.774đ; yêu cầu tính lãi phát sinh theo hợp đồng đã giao kết từ ngày 14/5/2022 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp ông H, ông L không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần nợ, thì Ngân hàng yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay của ông H, ông L để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Đồng bị đơn ông Trần Hữu H và ông Trần Hữu L đã được Tòa án cấp, tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông H, ông L không đến Tòa án và không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến của mình, cũng như không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tòa án lập biên bản không hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là phù hợp quy định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt tại phiên họp và phiên tòa là chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: ông H, ông L đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án cũng như không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng để buộc ông H, ông L trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền 414.460.814đ; yêu cầu tính lãi phát sinh theo hợp đồng đã giao kết từ ngày 14/5/2022 cho đến khi trả hết nợ. Đề nghị đình chỉ phần Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt chậm trả lãi là 72.477.373đ. Trường hợp bị đơn không thực H nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngân hàng có tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông H, ông L; bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện PL, tỉnh Bạc Liêu; căn cứ vào Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, ông Đ và ông C là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; ông H, ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng: ngày 10/9/2012, Ngân hàng ký với ông H, ông L hợp đồng tín dụng HD5439/HĐTD; Ngân hàng đồng ý cho vay số tiền gốc 120.000.000đ, thời hạn vay 13 tháng, phương thức cho vay: gốc và lãi trả cuối kỳ; mục đích sử dụng tiền vay: sản xuất nông nghiệp. Lãi suất cho vay 1,65%/tháng; lãi quá hạn bằng 150% lãi cho vay. Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay vào ngày 10/9/2012. Quá trình vay, ông H, ông L đã trả được số tiền lãi trong hạn là 1.980.000đ. Đến kỳ hạn trả nợ nhưng ông H, ông L không trả gốc và lãi cho Ngân hàng; do đó khoản vay đã chuyển qua nợ quá hạn. Tính đến ngày 13/5/2022, ông H, ông L còn nợ Ngân hàng số tiền 486.938.187đ, trong đó số tiền gốc 120.000.000đ, tiền lãi trong hạn 23.104.040đ; lãi quá hạn 271.356.774đ, tiền phạt chậm trả lãi 72.477.373đ.

[4] Ngày 13/5/2022, Ngân hàng có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông H, ông L trả số tiền phạt chậm trả lãi là 72.477.373đ. Xét thấy, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết. Ngân hàng chỉ còn yêu cầu ông H, ông L trả số tiền 414.460.814đ, trong đó số tiền gốc 120.000.000đ, tiền lãi 294.460.814đ; yêu cầu tính lãi phát sinh theo hợp đồng đã giao kết từ ngày 14/5/2022 cho đến khi trả hết nợ.

[5] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho ông H, ông L nhưng ông H, ông L không đến Tòa án và không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến của mình, cũng như không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Từ đó cho thấy ông H, ông L thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với Ngân hàng, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông H, ông L trả nợ là có căn cứ để chấp nhận, buộc ông H, ông L trả cho Ngân hàng số tiền 414.460.814đ, trong đó số tiền gốc 120.000.000đ, tiền lãi 294.460.814đ tính đến ngày 13/5/2022. Kể từ ngày

14/5/2022, ông H, ông L còn phải chịu khoản tiền nợ lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số HD5439/HĐTD ngày 10/9/2012 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[7] Về hợp đồng thế chấp tài sản: để đảm bảo khoản vay các bên đã ký kết hợp đồng thế chấp số HD5439/HĐTC ngày 10/9/2012; tài sản thế chấp là phần đất có diện tích 406,3m² tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 308145 cấp cho ông H, phần đất tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa ông H, ông L với Ngân hàng được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, được chứng thực và đăng ký tài sản đảm bảo đúng quy định của pháp luật; quyền sử dụng đất cấp cho ông H và ông H, ông L thống nhất việc thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản vay. Theo quy định pháp luật và cam kết trong Hợp đồng tín dụng, tài sản trên được thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ trong Hợp đồng tín dụng. Yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để đảm bảo cho việc thu hồi nợ của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 355 Bộ luật dân sự 2005.

Trường hợp ông H, ông L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số HD5439/HĐTC ngày 10/9/2012 để thu hồi nợ. Buộc ông H, ông L có nghĩa vụ giao phần đất nêu trên cho Ngân hàng khi Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[8] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Án phí dân sự giá ngạch buộc ông H, ông L nộp 20.578.432đ.

Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí 9.900.000đ tại lai thu số 0009695 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long.

[10] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 900.000đ, buộc ông H, ông L chịu. Ngân hàng không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; đã dự nộp 3.000.000đ được chuyển thu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 900.000đ, Ngân hàng đã được hoàn nhận lại đủ số tiền 2.100.000đ. Buộc ông H, ông L nộp 900.000đ, hoàn trả cho Ngân hàng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 147; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 218, 228, 238, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 355, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X:

Buộc ông H, ông L trả cho Ngân hàng số tiền 414.460.814đ (Bốn trăm mười bốn triệu bốn trăm sáu mươi ngàn tám trăm mười bốn đồng), trong đó số tiền gốc 120.000.000đ, tiền lãi 294.460.814đ tính đến ngày 13/5/2022.

Kể từ ngày 14/5/2022, ông H, ông L còn phải chịu khoản tiền nợ lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số HD5439/HĐTD ngày 10/9/2012 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2/ Đình chỉ giải quyết do Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông H, ông L trả số tiền phạt chậm trả lãi là 72.477.373đ.

3/ Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H, ông L không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản nợ trên, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số HD5439/HĐTC ngày 10/9/2012, phần đất có diện tích 406,3m² tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 308145 cấp cho ông H vào ngày 06/6/2011, phần đất tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

4/ Về án phí: Án phí dân sự giá ngạch buộc ông H, ông L nộp 20.578.432đ.

Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí 9.900.000đ tại lai thu số 0009695 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long.

5/ Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: buộc ông H, ông L nộp 900.000đ hoàn trả cho Ngân hàng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực H theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lư Trường Lâm